TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2026
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trí Dũng

Ông Nguyễn Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2026 về việc: "*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Văn Thị Mỹ L, sinh năm 1997

Nơi ĐKHKTT: Khu H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang sinh sống tại: Số E, phòng E, tòa A, Chung cư C, xã H-ri, huyện C, tỉnh Gyeongsang Bắc, Hàn Quốc.

- *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Văn Xuân B, sinh năm 1975 và bà Cao Thị N, sinh năm 1976.

Đều có địa chỉ: Đ V, xã C, thành phố Hà Nội.

(Chị L, ông B, bà N đều có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Văn Thị Mỹ L trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Lê Ngọc T kết hôn với nhau ngày 25/12/2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ, nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị và anh T đều đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, tuy nhiên do bất đồng quan điểm sống, cả hai không hòa hợp về tính cách, tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần tìm cách hàn gắn, vợ chồng cũng nói chuyện giải quyết nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng tăng thêm. Hai bên đã sống ly thân nhiều năm nay. Chị đã nhiều lần trao đổi với anh T về việc ly hôn nhưng anh T không hợp tác thực hiện thủ tục. Do không sống cùng nhau nên chị L không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Hàn Quốc để cung cấp cho Toà án.

Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Ngọc T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Lê Ngọc T có 01 con chung là cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 23/02/2017). Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng bố mẹ chị là ông Văn Xuân B và bà Cao Thị N địa chỉ: Đ, thôn V, xã C, thành phố Hà Nội.

Sau ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc T1 cho đến khi thành niên và lao động tự túc được. Trong thời gian chị ở Hàn Quốc thì chị ủy quyền cho ông Văn Xuân B và bà Cao Thị N trực tiếp thay chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 đến khi chị về nước. Khi hết hạn hợp đồng lao động về nước, chị sẽ đón cháu T1 về trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, và công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Phía bị đơn: Anh Lê Ngọc T hiện đang ở nước ngoài, thể hiện tại công văn số: 444/QLXNC-Đ1 ngày 08/4/2026 của Phòng Q Công an tỉnh P xác định anh T có lịch sử xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh sử dụng hộ chiếu số C6935921 xuất cảnh ngày 19/6/2022 qua Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do chị L không biết địa chỉ của anh T ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Dương Thị B1 là mẹ đẻ của anh T và được bà cung cấp như sau: Hiện tại anh T đang ở Hàn Quốc địa chỉ cụ thể bà không biết. Nhưng bà và anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua Z, bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung chị L xin ly hôn anh T và anh T có quan điểm không nhất trí ly hôn và gia đình có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Ngọc T1.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Xuân B, bà Cao Thị N trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Văn Lại Mỹ L1. Ông B, bà N xác nhận việc kết hôn giữa chị L1 và anh T đúng như chị L1 trình bày. Sau khi kết hôn, chị L1 và anh T sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị L1 đề nghị ly

hôn anh T, ông bà không có quan điểm gì, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung của chị L1 và anh T: Ông, bà xác định vợ chồng chị L1 và anh T có 01 con chung là Lê Ngọc T1, sinh ngày 23/2/2017. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng ông bà tại Đội 1 – V, xã C, thành phố Hà Nội. Khi ly hôn, chị L1 đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và ủy quyền cho ông bà thay chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho tới khi chị về nước. Ông B và bà N đồng ý và khi chị L1 về nước ông bà sẽ giao cháu T1 cho chị L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T1. Ông bà tự nguyện không yêu cầu anh T và chị L1 phải cấp dưỡng, đóng góp gì trong thời gian ông bà nuôi cháu T1.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Lê Ngọc T1 có nguyện vọng là được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn; trong thời gian chị L1 ở nước ngoài, cháu T1 xin được ở với ông bà ngoại cho đến khi chị L1 về nước.

4. Tòa án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn, nội dung xác minh thể hiện như sau:

Chị Văn Thị Mỹ L và anh Lê Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/12/2015, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ nay là UBND xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, chị L và anh T chung sống cùng bố mẹ anh T tại xã Đ là xã Đ. Qúa trình chung sống, chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2016, anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thỉnh thoảng có về thăm gia đình, sau đó, chị L cũng đi xuất khẩu tại Hàn Quốc. Qúa trình chung sống tại Hàn Quốc, anh chị có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Đến nay chị L xin ly hôn anh T, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị L và anh T có 01 con chung là Lê Ngọc T1, sinh ngày 23/02/2017. Hiện đang ở cùng bố mẹ chị L là ông Văn Xuân B, bà Cao Thị N trú tại: Đ, thôn V, xã C, TP .. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Vợ chồng chị L và anh T có hay không thì địa phương không nắm được.

5. Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Mỹ L, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Văn Thị Mỹ L được ly hôn anh Lê Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc T1, sinh ngày 23/2/2017 cho chị Văn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Thái thành N1. Anh Tú không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian chị L đi làm việc ở nước ngoài, tạm giao cháu T1 cho bố mẹ đẻ chị L là ông Văn Xuân B, bà Cao Thị N chăm sóc, giáo dục cháu T1. Chị L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ông B, bà N do ông, bà không yêu cầu. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Chị L không đề nghị nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Văn Thị Mỹ L và bị đơn anh Lê Ngọc T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Hiện chị L đang sống tại: Số E, phòng E, tòa A, Chung cư C, xã H-ri, huyện C, tỉnh Gyeongsang Bắc, Hàn Quốc. Theo Công văn số: 444/QLXNC-Đ1 ngày 08/4/2026 của Phòng Q Công an tỉnh P xác định anh T có lịch sử xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh sử dụng hộ chiếu số C6935921 xuất cảnh ngày 19/6/2022 qua Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này chị L, anh T không có mặt ở Việt Nam; chị L và ông B, bà N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Văn Thị Mỹ L đề nghị xin ly hôn với anh Lê Ngọc T và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh T mà không cung cấp được địa chỉ anh T ở chỗ nào tại nước ngoài. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng thông qua mẹ đẻ của anh T là bà Dương Thị B1 đã thông báo cho anh T biết, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu tại nước ngoài. Căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị Văn Thị Mỹ L, ông Văn Xuân B, bà Cao Thị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Lại Mỹ L1 và anh Lê Ngọc T đăng ký kết hôn ngày 25/12/2021 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ, nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị

Văn Thị Mỹ L và anh Lê Ngọc T đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của chị L và chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến xảy ra cãi vã. Toà án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn thì tình trạng hôn nhân giữa chị Văn Thị Mỹ L và anh Lê Ngọc T không được hạnh phúc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn anh Lê Ngọc T là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L nên xử cho chị L được ly hôn anh Lê Ngọc T.

[2.2] Về con chung: Chị Văn Lại Mỹ L1 và anh Lê Ngọc T có 01 con chung là Lê Ngọc T1, sinh ngày 23/02/2017. Hiện nay, cháu T1 đang sống cùng bố mẹ đẻ chị L1 là ông Văn Xuân B và bà Cao Thị N tại Đội 1, thôn V, xã C, thành phố Hà Nội. Chị L1 đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và lao động tự túc được. Trong thời gian chị ở Hàn Quốc thì chị ủy quyền cho ông Văn Xuân B và bà Cao Thị N trực tiếp thay chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 đến khi chị về nước. Khi hết hạn hợp đồng lao động về nước, chị sẽ đón cháu T1 về trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Quá trình giải quyết, cháu T1 đã trên 7 tuổi và cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu T1 đã ở cùng mẹ và ông bà ngoại từ nhỏ, việc giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T1 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung là phù hợp. Trong thời gian chị L1 ở nước ngoài sẽ tạm giao cho ông Văn Xuân B, bà Cao Thị N là bố mẹ đẻ chị Văn Thị Mỹ L thay mặt nuôi dưỡng cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Ông B và bà N không yêu cầu chị L, anh T cấp dưỡng nuôi cháu T1 trong thời gian anh chị ở nước ngoài là yêu cầu tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị L không đề nghị nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ: Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Văn Thị Mỹ L được ly hôn anh Lê Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc T1, sinh ngày 23/2/2017 cho chị Văn Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Tú không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Trong thời gian chị L ở nước ngoài, tạm giao cho ông Văn Xuân B, bà Cao Thị N là bố mẹ đẻ chị Văn Thị Mỹ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc T1 cho đến khi chị L về nước đón cháu.

Chị Văn Thị Mỹ L, anh Lê Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 cùng ông Vũ Xuân B2, bà Cao Thị N vì ông B2, bà N tự nguyện không yêu cầu.

Anh Lê Ngọc T có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Văn Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0002255 ngày 23/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Đan Thượng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến